

Bản án số: 46/2022/DS-ST

Ngày: 23-9-2022.

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhớ.
2. Ông Phạm Thuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 94/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: Đường N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện khởi kiện: Ông Võ Văn H – chức danh: Phó Giám đốc Chi nhánh S; đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Trương Đình V - Chức danh: Chuyên viên quản lý nợ Chi nhánh S; địa chỉ liên hệ: Đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Quyết định số: 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T và Giấy ủy quyền số 591/2021/GUQ-SNSH ngày 31/12/2021 của Giám đốc Chi nhánh S, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lại Văn T - sinh năm: 1985; nơi đăng ký thường trú: Xóm Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ đăng ký tạm trú cuối cùng: Đường M, phường K, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ngày 29 tháng 4 năm 2022, các bản tự khai ngày 20 tháng 7 năm 2022, ngày 09

tháng 8 năm 2022 và ngày 30 tháng 8 năm 2022 cũng như tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 08 tháng 3 năm 2018, ông Lại Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh A – Phòng giao dịch B (tại thành phố Đà Nẵng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng), và được phía Ngân hàng chấp nhận cấp thẻ vào ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, lãi suất được thay đổi 2,6%/tháng kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2019 theo Quyết định số: 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ của Ngân hàng S phát hành tại Việt Nam, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn, khách hàng được miễn lãi 35 ngày cho giao dịch thanh toán điện tử, riêng giao dịch rút bằng tiền mặt thì lãi suất được tính kể từ ngày phát sinh giao dịch; số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng với số thẻ 562830-2..., ông T đã nhiều lần thực hiện giao dịch thanh toán với tổng số tiền 113.929.000đ (*một trăm mười ba triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Vì ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đúng với thoả thuận dù đã được thông báo từ Ngân hàng, nên đến ngày 05 tháng 09 năm 2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 50.933.253đ (bao gồm: tiền nợ đầu kỳ là 49.378.453đ, phí trễ hạn là 227.170đ, lãi phát sinh là 1.327.630đ) sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Như vậy, tại thời điểm chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất 3,9%/tháng, dự nợ gốc của ông T là 50.933.253đ (*năm mươi triệu chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*).

Tính đến ngày 05 tháng 12 năm 2021, ông T phải thanh toán tiền gốc vay là 50.933.253đ và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 là 5.934.383đ (*năm triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng*), ông T chuyển vào tài khoản với số tiền 5.000.000đ, nên số tiền này được ưu tiên thanh toán tiền nợ gốc tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Vì thế, số tiền nợ gốc còn lại ông T phải thanh toán là 45.933.253đ, cùng với lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 23 tháng 9 năm 2022 (ngày xét xử) là 23.370.579đ.

Đối với chi phí đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng thì Ngân hàng tự nguyện chịu.

Bị đơn ông Lại Văn T sau khi vay đã thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết, không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, cũng như không tham gia phiên hòa giải vào các ngày 20 tháng 7 năm 2022 và ngày 09 tháng 8 năm 2022 dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Thông báo về phiên họp, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án:* Nguyên đơn đã cho bị đơn vay tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Thỏa thuận vay tài sản thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không vi phạm về hình thức nên các hợp đồng đã ký có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ vay là phù hợp. Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2022 là 69.303.832đ (*sáu mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn tám trăm ba mươi hai đồng*); trong đó: Tiền nợ gốc quá hạn là 45.933.253đ (*bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*), tiền lãi quá hạn tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 23 tháng 9 năm 2022 là 23.370.579đ (*hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*).

+ Kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Địa chỉ nơi cư trú của ông Lê Văn T được ghi trong hợp đồng tín dụng thuộc quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông T đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng TMCP S biết địa chỉ nơi cư trú mới, là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và tiếp tục giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng số 562830-2..., số tài khoản thẻ: 3386581... với hạn mức tín dụng 50.000.000đ cho ông Lại Văn T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vào ngày 13 tháng 3 năm 2018, với mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 2,6%/tháng, lãi quá hạn 3,9%/tháng. Quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã nhiều lần thực hiện giao dịch với tổng số tiền 113.929.000đ (*một trăm mười ba triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Tính đến ngày 05 tháng 9 năm 2021, ông T còn nợ lại các khoản gồm: Số tiền dư nợ đầu kỳ 49.378.453đ, phí trễ hạn: 227.170đ, lãi phát sinh: 1.327.630đ. Tổng số tiền các khoản nêu trên là 50.933.253đ (*năm mươi triệu chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*), được chuyển sang nợ gốc quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ông T đã trả được 5.000.000đ tiền nợ gốc vào ngày 05 tháng 12 năm 2021.

[4] Xét thấy Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do ông Lại Văn T không thực hiện thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng chấm dứt cấp tín dụng, khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 34 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán tổng số tiền nợ 69.303.832đ (*sáu mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn tám trăm ba mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc quá hạn là 45.933.253đ (*bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*), tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 23 tháng 9 năm 2022 là 23.370.579đ (*hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*). Ngoài ra, đại diện Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh do chậm trả đối với số tiền nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn nêu trên kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp. Xét thấy yêu cầu của đại diện nguyên đơn đúng với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, thỏa thuận tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà hai bên đã ký kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] *Về án phí:* Ông Lại Văn T phải chịu 3.465.200đ (69.303.832đ x 5%, đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hết 4.128.000đ (*bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng*) nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí và đã chi trả xong (theo hoá đơn giá trị gia tăng số: 0000314 ngày 11/7/2022 của Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và số: 00001290 ngày 08/7/2022 của Báo nhân dân), nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lại Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Lại Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 69.303.832đ (*sáu mươi chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn tám trăm ba mươi hai đồng*), trong đó tiền nợ gốc quá hạn là 45.933.253đ (*bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*), tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2021 đến ngày 23 tháng 9 năm 2022 là 23.370.579đ (*hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Lại Văn T còn phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc (45.933.253đ) theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12 tháng 3 năm 2018, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí: Ông Lại Văn T phải chịu 3.465.200đ (*ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.513.200đ (*một triệu năm trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*) theo biên lai thu số 0002722 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2022). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn